

Số: 1032/QĐ-ĐHXDMT

Phủ Yên, ngày 16 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp trình độ đại học dành cho sinh viên đại học các khóa trước,  
hệ chính quy

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 28/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-ĐHXDMT ngày 24/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-ĐHXDMT ngày 05/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc thành lập Hội đồng tốt nghiệp năm học 2024 - 2025;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 12/12/2024 của Hội đồng tốt nghiệp;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1.

1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Kỹ sư cho **03** sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)

2. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Cử nhân cho **07** sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)

3. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Tốt nghiệp Đại học cho **05** sinh viên đại học các khóa trước vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế.

(Có tên trong danh sách kèm theo)



**Điều 2.** Trường các đơn vị và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Lưu: VT, QLĐT.





**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Lê Đức Thường**



# **DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KỸ SƯ**

(Kèm theo Quyết định số: 1032/QĐ-ĐHXDMT, ngày 16 tháng 12 năm 2024)

| STT                                              | TT  | Mã sinh viên   | Họ và tên        | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh | TBCTL | Số TCTL | Xếp hạng tốt nghiệp | Lớp    | Ngày nhập học | Ngành đào tạo                           | Chuyên ngành đào tạo       | Trình độ đào tạo | Hình thức đào tạo | Thời gian đào tạo | Ngôn ngữ đào tạo | Loại bằng | Số Quyết định  | Ngày QĐ (ngày in bằng) |      |
|--------------------------------------------------|-----|----------------|------------------|-----------|------------|----------|-------|---------|---------------------|--------|---------------|-----------------------------------------|----------------------------|------------------|-------------------|-------------------|------------------|-----------|----------------|------------------------|------|
| (1)                                              | (2) | (3)            | (4)              | (5)       | (6)        | (7)      | (8)   | (9)     | (10)                | (11)   | (12)          | (13)                                    | (14)                       | (15)             | (16)              | (17)              | (18)             | (19)      | (20)           | (21)                   | (22) |
| A. Ngành Kỹ thuật xây dựng                       |     |                |                  |           |            |          |       |         |                     |        |               |                                         |                            |                  |                   |                   |                  |           |                |                        |      |
| I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra                    |     |                |                  |           |            |          |       |         |                     |        |               |                                         |                            |                  |                   |                   |                  |           |                |                        |      |
| 1                                                | 1   | 19DQ5802011115 | Lê Đăng Phong    | Nam       | 09/11/2001 | Phù Yên  | 2.18  | 150     | Trung bình          | D19X3  | 19/08/2019    | Kỹ thuật xây dựng                       | XD dân dụng và công nghiệp | Đại học          | Chính quy         | 2019 - 2024       | Tiếng Việt       | Kỹ sư     | 1032/QĐ-ĐHXDMT | 16/12/2024             |      |
| B. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông |     |                |                  |           |            |          |       |         |                     |        |               |                                         |                            |                  |                   |                   |                  |           |                |                        |      |
| I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra                    |     |                |                  |           |            |          |       |         |                     |        |               |                                         |                            |                  |                   |                   |                  |           |                |                        |      |
| 2                                                | 1   | 19DQ5802051013 | Lê Quốc Tuấn     | Nam       | 14/04/2001 | Phù Yên  | 2.26  | 152     | Trung bình          | D19CD1 | 19/08/2019    | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Xây dựng cầu đường         | Đại học          | Chính quy         | 2019 - 2024       | Tiếng Việt       | Kỹ sư     | 1032/QĐ-ĐHXDMT | 16/12/2024             |      |
| C. Ngành Kinh tế xây dựng                        |     |                |                  |           |            |          |       |         |                     |        |               |                                         |                            |                  |                   |                   |                  |           |                |                        |      |
| I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra                    |     |                |                  |           |            |          |       |         |                     |        |               |                                         |                            |                  |                   |                   |                  |           |                |                        |      |
| 3                                                | 1   | 19DQ5803011006 | Lê Bùi Quốc Hiếu | Nam       | 08/07/2000 | Phù Yên  | 2.39  | 150     | Trung bình          | D19KX3 | 19/08/2019    | Kinh tế xây dựng                        | Kinh tế xây dựng           | Đại học          | Chính quy         | 2019-2024         | Tiếng Việt       | Kỹ sư     | 1032/QĐ-ĐHXDMT | 16/12/2024             |      |

Tổng số: 3 sinh viên



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1032/QĐ-ĐHXD MT, ngày 16 tháng 12 năm 2024)

| STT                                                                                 | TT  | Mã sinh viên   | Họ và tên       | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh   | TBCTL   | Số TCTL | Xếp hạng tốt nghiệp | Lớp        | Ngày nhập học | Ngành đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Trình độ đào tạo     | Hình thức đào tạo | Thời gian đào tạo | Ngôn ngữ đào tạo | Loại bằng  | Số Quyết định | Ngày QĐ (ngày in bằng) |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------|-----------------|-----------|-----------|------------|---------|---------|---------------------|------------|---------------|---------------|----------------------|----------------------|-------------------|-------------------|------------------|------------|---------------|------------------------|------------|
| (1)                                                                                 | (2) | (3)            | (4)             | (5)       | (6)       | (7)        | (8)     | (9)     | (10)                | (11)       | (12)          | (13)          | (14)                 | (15)                 | (16)              | (17)              | (18)             | (19)       | (20)          | (21)                   | (22)       |
| A. Ngành Kế toán                                                                    |     |                |                 |           |           |            |         |         |                     |            |               |               |                      |                      |                   |                   |                  |            |               |                        |            |
| 1. Tổng số 07/117 sinh viên thực hiện DATN theo QĐ số: 659/QĐ-ĐHXDMT ngày 16/8/2024 |     |                |                 |           |           |            |         |         |                     |            |               |               |                      |                      |                   |                   |                  |            |               |                        |            |
| 1                                                                                   | 1   | 19DQ3403011044 | Nguyễn Tri      | Thúc      | Nam       | 26/05/2001 | Phú Yên | 2.40    | 130                 | Trung bình | D19KTI        | 19/08/2019    | Kế toán              | Kế toán doanh nghiệp | Đại học           | Chính quy         | 2019 - 2023      | Tiếng Việt | Cử nhân       | 1032/QĐ-ĐHXDMT         | 16/12/2024 |
| 2                                                                                   | 2   | 20DQ3403012056 | Võ Thị Cẩm      | Tiến      | Nữ        | 27/07/2002 | Phú Yên | 2.66    | 129                 | Khá        | D20KDC1       | 22/12/2020    | Kế toán              | Kế toán doanh nghiệp | Đại học           | Chính quy         | 2020 - 2024      | Tiếng Việt | Cử nhân       | 1032/QĐ-ĐHXDMT         | 16/12/2024 |
| 3                                                                                   | 3   | 20DQ3403012009 | Nguyễn Thị Xuân | Hop       | Nữ        | 10/02/2000 | Phú Yên | 2.94    | 129                 | Khá        | D20KDC5       | 22/12/2020    | Kế toán              | Kế toán doanh nghiệp | Đại học           | Chính quy         | 2020 - 2024      | Tiếng Việt | Cử nhân       | 1032/QĐ-ĐHXDMT         | 16/12/2024 |
| 4                                                                                   | 4   | 20DQ3403012008 | Nguyễn Phi      | Hoàng     | Nam       | 06/04/2000 | Phú Yên | 2.80    | 129                 | Khá        | D20KDC5       | 22/12/2020    | Kế toán              | Kế toán doanh nghiệp | Đại học           | Chính quy         | 2020 - 2024      | Tiếng Việt | Cử nhân       | 1032/QĐ-ĐHXDMT         | 16/12/2024 |
| 5                                                                                   | 5   | 20DQ3403012028 | Võ Thủy         | Tiến      | Nữ        | 03/01/2002 | Phú Yên | 2.66    | 129                 | Khá        | D20KDC5       | 22/12/2020    | Kế toán              | Kế toán doanh nghiệp | Đại học           | Chính quy         | 2020 - 2024      | Tiếng Việt | Cử nhân       | 1032/QĐ-ĐHXDMT         | 16/12/2024 |
| 6                                                                                   | 6   | 20DQ3403012013 | Nguyễn Tùng     | Lâm       | Nữ        | 21/09/2002 | Phú Yên | 2.40    | 129                 | Trung bình | D20KDC5       | 22/12/2020    | Kế toán              | Kế toán doanh nghiệp | Đại học           | Chính quy         | 2020 - 2024      | Tiếng Việt | Cử nhân       | 1032/QĐ-ĐHXDMT         | 16/12/2024 |
| 7                                                                                   | 7   | 20DQ3403012076 | Nguyễn Thị      | Sen       | Nữ        | 01/01/2001 | Phú Yên | 2.35    | 129                 | Trung bình | D20KDC5       | 22/12/2020    | Kế toán              | Kế toán doanh nghiệp | Đại học           | Chính quy         | 2020 - 2024      | Tiếng Việt | Cử nhân       | 1032/QĐ-ĐHXDMT         | 16/12/2024 |

Tổng số: 7 sinh viên

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 1032/QĐ-ĐHXDĐT, ngày 16 tháng 12 năm 2024)



| STT                                              | TT  | Mã sinh viên   | Họ và tên        | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh   | TBCTL      | Số TCTL | Xếp hạng tốt nghiệp | Lớp        | Ngày nhập học | Ngành đào tạo | Chuyên ngành đào tạo                    | Trình độ đào tạo           | Hình thức đào tạo | Thời gian đào tạo | Ngôn ngữ đào tạo | Loại bằng  | Số Quyết định | Ngày QĐ (ngày in bằng) |            |
|--------------------------------------------------|-----|----------------|------------------|-----------|-----------|------------|------------|---------|---------------------|------------|---------------|---------------|-----------------------------------------|----------------------------|-------------------|-------------------|------------------|------------|---------------|------------------------|------------|
| (1)                                              | (2) | (3)            | (4)              | (5)       | (6)       | (7)        | (8)        | (9)     | (10)                | (11)       | (12)          | (13)          | (14)                                    | (15)                       | (16)              | (17)              | (18)             | (19)       | (20)          | (21)                   | (22)       |
| A. Ngành Kỹ thuật công trình xây dựng            |     |                |                  |           |           |            |            |         |                     |            |               |               |                                         |                            |                   |                   |                  |            |               |                        |            |
| I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra                    |     |                |                  |           |           |            |            |         |                     |            |               |               |                                         |                            |                   |                   |                  |            |               |                        |            |
| 1                                                | 1   | 16DQ5802010187 | Huỳnh Đăng       | Huy       | Nam       | 04/07/1998 | Phù Yên    | 2.24    | 155                 | Trung bình | D16X3         | 29/08/2016    | Kỹ thuật công trình xây dựng            | XD dân dụng và công nghiệp | Đại học           | Chính quy         | 2016 - 2021      | Tiếng Việt | ĐH- Kỹ sư     | 1032/QĐ-ĐHXDĐT         | 16/12/2024 |
| B. Ngành Kỹ thuật xây dựng                       |     |                |                  |           |           |            |            |         |                     |            |               |               |                                         |                            |                   |                   |                  |            |               |                        |            |
| I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra                    |     |                |                  |           |           |            |            |         |                     |            |               |               |                                         |                            |                   |                   |                  |            |               |                        |            |
| 2                                                | 1   | 18DQ5802010017 | Trần Xuân        | Kỹ        | Nam       | 16/04/2000 | Khánh Hòa  | 2.46    | 143                 | Trung bình | D18X1         | 16/08/2018    | Kỹ thuật xây dựng                       | XD dân dụng và công nghiệp | Đại học           | Chính quy         | 2018 - 2022      | Tiếng Việt | ĐH- Kỹ sư     | 1032/QĐ-ĐHXDĐT         | 16/12/2024 |
| C. Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông |     |                |                  |           |           |            |            |         |                     |            |               |               |                                         |                            |                   |                   |                  |            |               |                        |            |
| I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra                    |     |                |                  |           |           |            |            |         |                     |            |               |               |                                         |                            |                   |                   |                  |            |               |                        |            |
| 3                                                | 1   | 17DQ5802050004 | Phan Hoàng       | Đại       | Nam       | 21/08/1999 | Phù Yên    | 2.35    | 155                 | Trung bình | D17CD         | 29/08/2017    | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Xây dựng cầu đường         | Đại học           | Chính quy         | 2017 - 2022      | Tiếng Việt | ĐH- Kỹ sư     | 1032/QĐ-ĐHXDĐT         | 16/12/2024 |
| 4                                                | 2   | 17DQ5802050063 | Nguyễn           | Đáng      | Nam       | 06/06/1998 | Bình Định  | 2.25    | 155                 | Trung bình | D17CD         | 29/08/2017    | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Xây dựng cầu đường         | Đại học           | Chính quy         | 2017 - 2022      | Tiếng Việt | ĐH- Kỹ sư     | 1032/QĐ-ĐHXDĐT         | 16/12/2024 |
| D. Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước                 |     |                |                  |           |           |            |            |         |                     |            |               |               |                                         |                            |                   |                   |                  |            |               |                        |            |
| I. Sinh viên xét chuẩn đầu ra                    |     |                |                  |           |           |            |            |         |                     |            |               |               |                                         |                            |                   |                   |                  |            |               |                        |            |
| 5                                                | 1   | 18DQ5802130010 | Đặng Hoàng Thiên | Ấn        | Nam       | 14/12/1996 | Quảng Ngãi | 2.25    | 126                 | Trung bình | D18CTN1       | 16/08/2018    | Kỹ thuật cấp thoát nước                 | Cấp thoát nước             | Đại học           | Chính quy         | 2018 - 2022      | Tiếng Việt | ĐH- Kỹ sư     | 1032/QĐ-ĐHXDĐT         | 16/12/2024 |

Tổng số: 5 sinh viên

✓